TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 174/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 31/5/2024
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH ĐỒNG NAI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Đào

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Chánh

Bà Thiều Thị Phi Loan

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai*** *tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Huỳnh Như - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 5 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 117/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2024 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 495/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 12 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 527/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 10/5/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị L**, sinh năm: 1982.

Địa chỉ: Số 203/21/15, tổ 22, khu phố 4, phường Tân Hòa, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn Quân**, sinh năm: 1975.

Địa chỉ: số 203/21/15, tổ 22, khu phố 4, phường Tân Hòa, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Chị L có đơn xin vắng mặt, anh Q vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai chị Nguyễn Thị L trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn Q tự tìm hiểu nhau, tự nguyện kết hôn với nhau; có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã Quỳnh Minh, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 28/01/2000. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng về sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Nguyên nhân, mâu thuẫn phát sinh chủ yếu do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Dù hai bên đã cố gắng hòa giải đoàn tụ nhưng vẫn không thể đoàn tụ để xây dựng gia đình

hạnh phúc. Nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh Q nên đề nghị Tòa án nhân dân thành phố B giải quyết cho chị được ly hôn với anh Quân.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Tiến Nh, sinh ngày 06/10/2000 và cháu Nguyễn Hồng S, sinh ngày 17/11/2007. Ly hôn, chị Làn đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Sơn. Yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con chung số tiền là 4.000.000đ/01 tháng. Đối với cháu Nh đã trưởng thành và có khả năng lao động nên chị L không yêu cầu xem xét.

Ngày 25/01/2024, chị Nguyễn Thị L có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện. Theo đó, chị L xin rút lại phần cấp dưỡng không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa để làm việc, hòa giải và xét xử nên không có lời trình bày.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai:

Về việc tuân thủ quy định của thẩm phán, thư ký, hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, việc chấp hành pháp luật của bị đơn là không đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị L đối với bị đơn anh Nguyễn Văn Q về việc ly hôn, về quan hệ hôn nhân: Chị L được ly hôn với anh Q, về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Hồng S, sinh ngày 17/11/2007 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời, anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với cháu Nguyễn Tiến Nh, sinh ngày 06/10/2000 đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không đặt ra xem xét. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, nợ chung: Chị L khai không có, không yêu cầu giải quyết, anh Q vắng mặt không có lời khai nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật, tư cách đương sự:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn Q và đề nghị giao con chung chưa trưởng thành cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng nên căn cứ Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định chị Nguyễn Thị L là nguyên đơn, anh Nguyễn Văn Q là bị đơn trong vụ án.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Nguyễn Văn Q hiện nay đang cư trú tại thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

[3] Về thủ tục tố tụng khác:

Ngày 12/4/2024, chị L có đơn xin vắng mặt. Anh Nguyễn Văn Q đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

Ngày 25/01/2024, chị Nguyễn Thị L có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện. Theo đó, chị L xin rút lại phần cấp dưỡng không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của chị L là hoàn toàn tự nguyện, đúng quy định nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Nội dung vụ án:

[4.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn Q tự nguyện kết hôn, có làm thủ tục đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Quỳnh Minh, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 28/01/2000 nên áp dụng các Điều 5, 6, 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét thấy, chị Làn xác định không còn tình cảm với anh Q, do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã, to tiếng với nhau. Theo biên bản xác minh mâu thuẫn tại địa phương ngày 04/02/2024 (Bút lục 23) nơi chị L và anh Q hiện đang sinh sống xác định trong cuộc sống hôn nhân giữa các đương sự có xảy ra mâu thuẫn hay không địa phương không nắm được do các đương sự không trình báo và không có đơn đề nghị địa phương hòa giải mâu thuẫn vợ chồng.

[4.2] Theo phiếu xác minh tình trạng cư trú đối với anh Nguyễn Văn Q ngày 04/02/2024 (Bút lục 22) Công an phường Tân Hòa cung cấp, anh Nguyễn Văn Q có đăng ký hộ khẩu tại số 203/21/15, tổ 22, khu phố 4, phường Tân Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai và hiện nay anh Q vẫn đang sinh sống tại địa phương nên đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Ngoài ra, anh Q cũng đã ký nhận trực tiếp thông báo thụ lý và giấy triệu tập làm việc. Tuy nhiên, vẫn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng là không thực hiện đúng nghĩa vụ của bị đơn, từ đó cho thấy anh Q có ý bỏ mặc việc Tòa án giải quyết quan hệ hôn nhân giữa anh và chị L. Như vậy, cuộc sống hôn nhân của chị Làn và anh Q đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ những phân tích trên cho thấy, yêu cầu ly hôn của chị Làn là có cơ sở chấp nhận.

[4.3] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Tiến Nhất, sinh ngày 06/10/2000, cháu Nguyễn Hồng Sơn, sinh ngày 17/11/2007. Ly hôn, chị Làn đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Sơn. Không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với cháu Nhất đã trưởng thành và có khả năng lao động nên chị Làn không yêu cầu xem xét. Xét đề nghị này của chị Làn là có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ con chung cũng có nguyện vọng được sống cùng chị L (Bút lục 19), cháu Sơn lại đang trong giai đoạn phát triển về mặt tâm sinh lý của tuổi dậy thì rất cần sự quan tâm, gần gũi và chỉ dạy của người mẹ nên việc giao cháu Sơn cho chị Làn tiếp tục nuôi dưỡng là rất cần thiết. Tạm thời, anh Quân không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4.4] Về tài sản chung: Không xem xét.

[4.5] Về nợ chung: Không xem xét.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai phù hợp với chứng cứ có tại hồ sơ và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH;

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 68, khoản 4 Điều 147, Điều 220, Điều 228, 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 71, 81, 82, 83, 84; khoản 1 Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 5, 6, 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986;

Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị L đối với bị đơn anh Nguyễn Văn Q về việc cấp dưỡng nuôi con chung

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị L đối với bị đơn anh Nguyễn Văn Q về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Văn Q.

Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Hồng S, sinh ngày 17/11/2007 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời, anh Nguyễn Văn Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Q được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản anh Q thực hiện quyền này. Trong trường hợp cần thiết một trong các bên có quyền xin thay đổi quyền trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) chị L đã nộp theo biên lai thu số 0002069 ngày 05/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B. Chị Nguyễn Thị L đã nộp xong án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND thành phố B;
- Chi cục THADS TP.B
- UBND nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lê Thị Đào